TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 09/2019/DS - GĐT
Ngày 22/01/2019
Về *"Tranh chấp liên quan đến yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân – Thẩm phán.

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn và ông Nguyễn Thanh Long.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"* giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị D ; trú tại: thôn C , xã NT, thị xã N , tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn K và bà Đặng Thị Kh ; trú tại: thôn C , xã NT, thị xã N , tỉnh Khánh Hòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Tr ;

3.2. Bà Trần Thị Đ ;

3.3. Bà Trương Thị C ;

3.4. Bà Phạm Thị Kim Ph;

3.5. Bà Nguyễn Thị Thùy D1;

3.6. Bà Nguyễn Thị Thùy D2;

3.7. Ông Nguyễn Phước M ;

3.8. Ông Nguyễn Thanh S ;

3.9. Bà Nguyễn Thị Thu Th ;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng trú tại địa chỉ: Thôn C , xã NT, thị xã N , tỉnh Khánh Hòa.

3.10. Ủy ban nhân dân thị xã N , tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2014 và quá trình tố tụng nguyên đơn là vợ chồng ông Nguyễn M , bà Nguyễn Thị D trình bày:

Tại *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số 01382/QSDĐ/NT-NH ngày 29/3/2001, Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) công nhận *"Hộ ông (bà) Nguyễn M , Nguyễn Thị D "* có quyền sử dụng nhiều thửa đất tại tờ bản đồ 26, địa chỉ thôn C , xã NT, huyện N , trong đó có thửa đất số 226 diện tích 944m^2, có tứ cận: Đông giáp đất ông C1, Tây giáp đất ông M1 (trên thực tế, phía Tây đất của Ông Bà giáp đường đi, rồi mới giáp đất ông M1), Nam giáp Quốc lộ 1, Bắc giáp dường đi liên thôn. Vừa qua, ông C1 nhờ đo đạc, kiểm tra lại diện tích đất thực tế của hộ ông C1 hiện đang sử dụng thì Ông Bà mới biết con đường đi nằm giữa đất của Ông Bà với đất của ông M1 thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình Ông Bà nên Ông Bà mua lưới thép B40 rào lại thì vợ chồng ông K , bà Kh (có nhà ở phía sau) phá lưới B40 để tiếp tục sử dụng đường đi. Nay Ông Bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông K , bà Kh chấm dứt hành vi cản trở Ông Bà thực hiện quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là đường đi này.

Bị đơn là vợ chồng ông Lê Văn K , bà Đặng Thị Kh trình bày: Đường đi hiện tranh chấp tồn tại từ trước giải phóng vì năm 1983, khu kinh tế Ninh Quang mở ra, người dân lên đây sinh sống đã thấy tồn tại đường đi này. Năm 1988, Ông Bà mua lại nhà của ông Nguyễn L thì lúc này hộ ông Nguyễn M chấp nhận tồn tại đường đi chung nên đã rào lưới B40 và trồng cây làm hàng rào chừa lại diện tích đất đường đi. Năm 2012, ông M tháo lưới B40, chặt cây đã trồng làm hàng rào trước đây và rào lại lưới B40 chiếm luôn cả diện tích đất đường đi nên xảy ra tranh chấp, đã được chính quyền thôn, xã hòa giải nhưng không thành. Nay Ông Bà yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp cho hộ ông Nguyễn M đối với thửa số 226 vì cấp chồng lên diện tích đất là đường đi chung, tồn tại đã lâu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Tr , bà Trương Thị C , bà Trần Thị Đ , bà Trần Thị Kim Ph trình bày: Năm 1988 khi các Ông Bà đến khu vực này sinh sống thì đã tồn tại đường đi chung. Năm 2012, ông M tự ý trào lưới B40 chiếm cả đường đi chung nên các Ông Bà đề nghị Tòa án hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* đã cấp cho hộ ông Nguyễn M vì cấp chồng lên diện tích đất là đường đi chung, buộc vợ chồng ông M trả lại đường đi chung đã tồn tại từ lâu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân thị xã N trình bày: Bản đồ gốc năm 1995 thể hiện có con đường, nhưng bản đồ chỉnh lý năm 2001 thì không còn đường. Ủy ban nhân dân thị xã N đề nghị vợ chồng ông M để con đường cho các hộ dân phía sau sử dụng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 9 9/2017/DS-ST ngày 05/9/2017, Tòa án nhân dân thị xã N , tỉnh Khánh Hòa quyết định:

"Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn M , bà Nguyễn Thị D về tranh chấp 97 m^2 đất con đường đi và yêu cầu bị đơn ông Lê Văn K , bà Đặng Thị Kh trả lại con đường đi, không được sử dụng con đường.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp số

01382/QSDĐ/NT-NH cấp ngày 29/3/2001 của Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) đối với diện tích 71m^2 đất thuộc thửa số 226, tờ bản đồ số 26 cấp cho hộ ông Nguyễn M , bà Nguyễn Thị D , Ủy ban nhân dân thị xã N có trách nhiệm chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn M , bà Nguyễn Thị D ."

Ngoài ra, Tòa án cấp án sơ thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 05/9/2017, vợ chồng ông Nguyễn M , bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2018/DSPT ngày 06/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

"Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn M , bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Văn K , bà Đặng Thị Kh chấm dứt hành vi cản trở việc nguyên đơn thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 26 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp số 01382/QSDĐ/NT-NH cấp ngày 29/3/2001 của Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) cấp cho hộ ông Nguyễn M , bà Nguyễn Thị D ."

Ngoài ra, Tòa án cấp án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 16/7/2018, ông Tr có Đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2018/DSPT ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Tại Quyết định số 107/2018/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 20/9/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2018/DS-PT ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DSST ngày 5/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã N , tỉnh Khánh Hòa; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật, với nhận định:

1. Về tố tụng:

Vợ chồng ông Nguyễn M , bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn K , bà Đặng Thị Kh không được cản trở việc ông M xây tường rào trên lối đi chung, vì lối đi chung là đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông M , bà D . Bị đơn vợ chồng ông K cho rằng, lối đi chung có từ trước, ông K không tranh chấp quyền sử dụng đất với ông M , ông K yêu cầu ông M trả lại lối đi chung. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là không đúng. Tòa án cấp phúc thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật" là đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông M , nhưng Tòa cấp sơ thẩm không hướng dẫn bị đơn viết đơn phản tố để thụ lý giải quyết là vi phạm Điều 195, Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

Thửa đất số 226 tờ bản đồ số 26, diện tích 944m^2 tọa lạc tại thôn C , xã NT, thị xã N được Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2001 cho hộ ông Nguyễn M , bà Nguyễn Thị D . Phía Bắc thửa đất của ông M giáp con đường đi liên thôn, quá trình sử dụng ổn định,

không có tranh chấp. Đến năm 2012, sau khi biết con đường đi nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông M rào con đường lại, gây khó khăn trong việc đi lại của nhiều hộ dân nên xảy ra tranh chấp.

Theo lời khai của bị đơn ông K và bà Khoa, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Tr , bà Trần Thị Đ , bà Trương Thị C đều thống nhất đường đi có từ trước năm 1988. Tại Công văn số 91/UBND ngày 28/11/2016, Ủy ban nhân dân xã NT (BL 84) trả lời: "Con đường giữa hai lô đất ông Phạm Hữu M và nhà ông Nguyễn M được hình thành từ năm 1979". Thông báo số 102 ngày 28/5/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã N xác định: "... quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn M có sai sót, đề nghị Ủy ban nhân dân xã NT đề xuất Ủy ban nhân dân thị xã điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại con đường cho dân đi theo đúng hiện trạng".

Kết quả đo đạc ngày 19/7/2017 (BI 103) của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã N thể hiện: con đường đang tranh chấp có diện tích 97m^2, trong đó có 71m^2 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M . Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M , diện tích đất là 944m^2, nhưng ông M mới sử dụng 867,6m^2 (không tính diện tích con đường) là chưa đủ so với diện tích được cấp. Tuy nhiên, hồ sơ đăng ký kê khai làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông M chỉ kê khai thửa 226, tờ bản đồ số 26 có diện tích 830m^2 nhưng ông viết nhầm tổng diện tích thành 944m^2(BL 30); kết quả đo đạc thực tế để giao đất tại "Giấy giao nhận diện tích đo đạc" (BL 28) thể hiện diện tích thửa 226, tờ bản đồ số 26 giao cho ông Nguyễn M 820m^2.

Từ những chứng cứ nêu trên, đủ cơ sở xác định con đường đang tranh chấp đã được các hộ dân sử dụng từ năm 1979; diện tích đo đạc thực tế khi giao đất cho ông M là 820m^2, nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông M ghi 944m^2 là có sai sót. Do cấp đất không đúng với diện tích đất thực tế được giao nên ông M cho rằng diện tích con đường đất 71m^2 thuộc quyền sử dụng của gia đình Ông.

Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã N , tỉnh Khánh Hòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị D về tranh chấp 97m^2 đất con đường đi là có căn cứ.

Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm không thụ lý phản tố của bị đơn về yêu cầu hủy quyết định cá biệt, nhưng vẫn tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp cho hộ ông Nguyễn Mâu, bà Nguyễn Thị D ngày 29/3/2001 là không đúng, Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: Trong quá trình sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thị xã N đã thay đổi quy hoạch sử dụng đất, bản đồ gốc năm 1995 có con đường này, năm 2001 chỉnh lý bản đồ quy hoạch thì không còn con đường này nữa. Lối đi giữa nhà ông M , bà D với nhà ông M1 trước kia được giao cho hộ ông M và ông M1 . Đồng thời, Ủy ban nhân dân thị xã N đã quy hoạch đường đi liên thôn cho các hộ phía sau để đi ra đường tỉnh lộ. Lối đi đang tranh chấp không phải là lối đi duy nhất, Ủy ban nhân dân thị xã N quy hoạch giao lối đi này cho hộ ông M và hộ ông M1 , không ảnh hưởng đến quyền lợi của các hộ phía sau là không đúng thực tế khách quan. Bởi lẽ, Ủy ban nhân dân thị xã N không có quyết định giao lối đi đang tranh chấp cho hộ ông M1

và hộ ông M ; bản đồ chỉnh lý biến động năm 2001 không thể hiện đường đi là do chỉnh lý sai, thực tế con đường đi vẫn đang được nhiều hộ dân sử dụng. Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2018/DSPT ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn M , bà Nguyễn Thị D là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử sau khi hủy bản án sơ, phúc thẩm thì giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết sơ thẩm lại vì có yêu cầu hủy quyết định cá biệt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1]. Vợ chồng ông Nguyễn M , bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn K , bà Đặng Thị Kh không được cản trở việc ông M xây tường rào trên lối đi chung đã hình thành từ trước đó, vì theo ông M thì sau khi đo đạc Ông Bà phát hiện diện tích đất lối đi chung nằm trong diện tích đất mà vợ chồng ông M được Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số 01382/QSDĐ/NT-NH ngày 29/3/2001. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ cần giải quyết là *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* là không đúng, Tòa án cấp phúc thẩm xác định quan hệ cần giải quyết là *"Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"* cũng là không đúng (vì đây là vụ án dân sự, không phải là việc dân sự) mà phải xác định quan hệ cần giải quyết là *"Tranh chấp liên quan đến yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"* mới đúng.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án dân sự, bị đơn có yêu cầu Tòa án hủy bỏ *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* mà Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp cho hộ ông M (bút lục 58, 59, 90, 94), nhưng Tòa cấp sơ thẩm không hướng dẫn bị đơn viết Đơn yêu cầu phản tố để thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn, nhưng vẫn tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hủy đối với phần cấp quyền sử dụng thửa đất 226) do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho *"Hộ ông Nguyễn M "* ngày 29/3/2001 là không đúng quy định tại Điều 195, Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung

[3]. Tại *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số 01382/QSDĐ/NT-NH ngày 29/3/2001, Ủy ban nhân dân huyện N công nhận*"hộ ông (bà) Nguyễn M , Nguyễn Thị D "* có quyền sử dụng nhiều thửa đất tại tờ bản đồ số 26, địa chỉ thôn C , xã NT, huyện N , trong đó có thửa đất số 226, diện tích 944m^2. Theo kết quả đo đạc do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã N thực hiện ngày 19/7/2017 (bút lục 103) thì con đường đi hiện tranh chấp có diện tích 97 m^2, trong đó diện tích 71m^2 nằm trong diện tích 944m^2 đất mà vợ chồng ông M , bà D được Ủy ban nhân dân huyện N cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* ngày 29/3/2001.

[4]. Vợ chồng ông M , bà D thừa nhận Ông Bà sử dụng đất ổn định từ trước

đến nay, giáp đất của Ông Bà là con đường đi tồn tại từ trước đó; nhưng năm 2012, sau khi đo đạc lại đất thì mới biết diện tích đường đi nằm trong diện tích 944m^2 đất mà Ông Bà đã được UBND huyện N cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* ngày 29/3/2001 nên tự ý rào con đường lại. Xét trình bày của vợ chồng ông M , bà D là phù hợp với trình bày của những hộ dân sống liền kề đất của vợ chồng ông M (trong đó có vợ chồng bị đơn) rằng đường đi tranh chấp tồn tại từ trước giải phóng; năm 1983 khi khu kinh tế Ninh Quang mở ra di dân lên đây sinh sống (trong đó có gia đình ông M , bà D) đã thấy tồn tại đường đi chung này và phù hợp với trả lời của UBND xã NT tại ***Công văn*** số 91/UBND ngày 28/11/2016 (bút lục 84) là *"Con đường giữa hai lô đất ông Phạm Hữu M và nhà ông Nguyễn M được hình thành từ năm 1979"*.

[5]. Tại ***Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất*** đề ngày 30/7/1996, ông Nguyễn M kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 226 diện tích: 200m^2 + 180m^2 + 450m^2 = 830m^2, nhưng ông M cộng nhầm nên ghi thành 944m^2 (bút lục 30). Tại ***Giấy giao nhận diện tích đo đạc*** thì cán bộ đo đạc sau khi đo đạc đã giao cho ông Nguyễn M thửa đất số 226, tờ bản đồ số 26 có diện tích 820m^2 (bút lục 28). Tại ***Thông báo*** số 102 ngày 28/5/2015, Ủy ban nhân dân thị xã N xác định: "... *quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn M có sai sót, đề nghị Ủy ban nhân dân xã NT đề xuất Ủy ban nhân dân thị xã điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại con đường cho dân đi theo hiện trạng"*.

Từ những chứng cứ, lập luận nêu trên đủ cơ sở xác định diện tích đường đi chung hiện tranh chấp đã tồn tại trước năm 1983 (khi khu kinh tế Ninh Quang mở ra và các hộ dân di dân, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn M lên đây sinh sống); Ủy ban nhân dân huyện N có sai sót trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn M chồng lấn lên diện tích đất là đường đi chung nên việc vợ chồng ông M căn cứ diện tích đất được cấp quyền sử dụng để rào chiếm diện tích đất đường đi chung này là không có cơ sở. Vì các lẽ trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M là có cơ sở, đúng pháp luật, còn Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M là không có cơ sở. Tuy nhiên, do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng như đã phân tích ở mục [1], [2] nêu trên và mặt khác căn cứ quyết định của Bản án phúc thẩm (có hiệu lực pháp luật) ông M đã xây hàng rào kiên cố sát đất gia đình ông K (chiếm diện tích đường đi) nên cần hủy bản án sơ thẩm để thụ lý, giải quyết sơ thẩm lại vụ án đúng thủ tục tố tụng và hòa giải giữa các bên đương sự về giá trị xây dựng tường rào này. Như vậy, Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 107/2018/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 20/9/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2018/DS-PT ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa giám đốc thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là UBND thị xã N), tỉnh Khánh Hòa cấp cho vợ chồng ông Nguyễn M nên thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 23/2018/DSPT ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã N , tỉnh Khánh Hòa;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng (để biết);
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2 bản kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- TAND thị xã N , tỉnh Khánh Hòa (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N , tỉnh Khánh Hòa (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân